

Quan hệ giữa người cao tuổi và con cháu trong gia đình

Lê Ngọc Lân, Nguyễn Hữu Minh, Trần Quý Long

Viện Gia đình và Giới

Tóm tắt: Bài viết dưới đây phân tích thực trạng mối quan hệ giữa người cao tuổi với các thế hệ con, cháu trong gia đình dựa trên số liệu, phỏng vấn người cao tuổi, đại diện hộ gia đình trong độ tuổi 18-60 và nhóm thanh thiếu niên độ tuổi 15-17 của cuộc Điều tra Gia đình Việt Nam 2006 về những khía cạnh như: sự đồng thuận trong gia đình; sự tham gia của người cao tuổi vào các quyết định gia đình; sự quan tâm chăm sóc của người cao tuổi với con cháu và sự chia sẻ tình cảm giữa các thế hệ trong gia đình. Những bằng chứng thực nghiệm đã khẳng định mối quan hệ khá bền chặt giữa người cao tuổi với con cháu trong gia đình Việt Nam, thể hiện thông qua sự giúp đỡ và hỗ trợ lẫn nhau giữa ông bà-chcha mẹ và con cái trong cuộc sống về cả vật chất và tinh thần. Mối quan hệ bền vững đó còn thể hiện ở sự đồng thuận cả trong quan niệm và trong đời sống thực tế. Tuy nhiên, trong điều kiện hiện nay, bên cạnh trách nhiệm của gia đình, để duy trì mối quan hệ hòa thuận giữa người cao tuổi với con cháu và cải thiện điều kiện chăm sóc, phụng dưỡng người già của gia đình Việt nam, Nhà nước cần có định hướng về việc xây dựng một hệ thống chính sách có tính chiến lược và toàn diện về người cao tuổi với tư cách là một bộ phận dân số quan trọng đang ngày càng gia

1. Dẫn nhập

Theo Tổng Điều tra Dân số và Nhà ở các năm 1979, 1989, 1999, 2009, tỷ lệ người cao tuổi (được tính từ tuổi 61 trở lên) ở Việt Nam trong tổng dân số đã tăng từ 7,1% lên 7,2%, 8,% và gần 9% (Ban chỉ đạo TĐTDS&NO TƯ 2010). Như vậy dân số của Việt Nam đã gần tiến đến ngưỡng già hoá dân số (theo quy ước của thế giới, một nước có 10% người cao tuổi trong tổng số dân được coi là nước già hoá dân số). Trong phạm vi cả nước chỉ có gần 30% người cao tuổi đang hưởng các chế độ hưu trí, mất sức và các loại trợ cấp hàng tháng, trên 70% người cao tuổi sống bằng lao động của bản thân và sự hỗ trợ của con cháu (Ủy ban Các vấn đề xã hội của Quốc hội, 2006). Theo số liệu của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội năm 2006, còn 1/3 số người cao tuổi thuộc diện nghèo và cận nghèo, đời sống vật chất gặp nhiều khó khăn, nhất là nông thôn, miền núi; khoảng trên 100.000 người cao tuổi đang phải ở nhà tạm và nhiều người chưa đủ ấm vào mùa đông; vẫn còn tình trạng con cháu ngược đãi ông bà, cha mẹ hoặc thiếu trách nhiệm trong việc chăm sóc (Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, 2006).

Báo cáo của Bộ Y tế vào thời điểm 2006 cho biết khoảng 95% người cao tuổi có bệnh, trung bình mỗi người cao tuổi mắc 2,69 bệnh, chủ yếu là bệnh mạn tính, không lây truyền. Tỷ lệ người cao tuổi có sức khỏe tốt khoảng 5-7%, sức khỏe kém khoảng 23% còn lại là sức khỏe trung bình (Ủy ban Các vấn đề xã hội của Quốc hội, 2006).

Đại đa số người cao tuổi Việt Nam hiện nay là thế hệ sinh ra và lớn lên trong thời kỳ đất nước có chiến tranh, trưởng thành trong thời kỳ bao cấp. Khi đất nước chuyển sang cơ chế thị trường, họ phải đối mặt với nhiều khó khăn về kinh tế do không có tài sản tích lũy hoặc tài sản tích lũy được không đủ bảo đảm cho cuộc sống và chăm sóc sức khỏe khi tuổi già.

Điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay cũng đang tác động làm thay đổi cấu trúc, giá trị, chuẩn mực của gia đình truyền thống trước đây, vốn là môi trường lý tưởng cho cuộc sống của người cao tuổi. Trong tương lai, tỷ lệ người cao tuổi sống cùng con cháu có thể giảm đi do sự biến đổi trong việc làm, những thay đổi về quan niệm của các thế hệ và của chính bản thân người cao tuổi trong cách sắp xếp cuộc sống khi về già. Điều này cũng có nghĩa là người cao tuổi có thể gặp nhiều khó khăn hơn trong việc

tự nuôi sống bản thân và tự chăm sóc sức khỏe cho mình, họ cần sự giúp đỡ, hỗ trợ nhiều hơn từ phía nhà nước, cộng đồng, các tổ chức xã hội. Phân tích sâu thực trạng mối quan hệ giữa người cao tuổi với các thế hệ con, cháu trong gia đình qua số liệu của *Điều tra Gia đình Việt Nam 2006* sẽ giúp thấy rõ hơn những tác động của các điều kiện kinh tế, xã hội mới đến mối quan hệ này.

2. Quan hệ giữa người cao tuổi và con cháu

Đối với Điều tra Gia đình Việt Nam 2006, trong số 9.300 hộ gia đình đã được phỏng vấn, ngoài những đặc trưng chung của hộ gia đình do chủ hộ trả lời thì có phiếu hỏi dành cho người 61 tuổi trở lên, được chọn từ một người cao tuổi (viết tắt là NCT) trong hộ gia đình. Trong tổng số 4.048 người có độ tuổi từ 61 trở lên có 2.664 người được phỏng vấn về những thông tin như tình hình đời sống và những quan niệm của họ. Trong số người cao tuổi được khảo sát, có 1.205 nam và 1.459 nữ, với tỷ lệ tương ứng là 45,2% và 54,8%.

Mối quan hệ giữa người cao tuổi và con cháu được phân tích dựa trên số liệu phỏng vấn người cao tuổi, đại diện hộ gia đình trong độ tuổi 18-60 và nhóm thanh thiếu niên độ tuổi 15-17 về những khía cạnh như: sự đồng thuận trong gia đình; sự tham gia của người cao tuổi vào các quyết định gia đình; sự quan tâm chăm sóc của người cao tuổi với con cháu và sự chia sẻ tình cảm giữa các thế hệ trong gia đình.

Theo kết quả Điều tra Gia đình Việt Nam 2006, số hộ gia đình có người cao tuổi chiếm 32,6% tổng số hộ được khảo sát. Tại thành thị có 35,7% hộ gia đình có người cao tuổi, trong khi đó ở nông thôn tỷ lệ này chỉ chiếm 31,4%.

2.1. Sự đồng thuận trong gia đình

Mối quan hệ giữa người cao tuổi và con cháu trong gia đình về mặt tâm lý, tình cảm, được thể hiện qua sự đồng thuận trong gia đình trên các lĩnh vực như: quản lý và chi tiêu; cách thức làm ăn và phát triển kinh tế; phương pháp giáo dục con cháu và lối sống sinh hoạt.

Về cách quản lý tiền và chi tiêu, 60,1% ý kiến của nhóm người đại diện hộ gia đình (độ tuổi 18-60) cho rằng trong gia đình họ có sự thống nhất hoàn toàn trong việc quản lý và chi tiêu tiền; 36,9% cho rằng về cơ bản là

không có mâu thuẫn thế hệ; chỉ có khoảng 2% cho rằng trong gia đình không có sự thống nhất giữa các thế hệ. Ở nhóm vị thành niên (15-17 tuổi, sống trong gia đình 3 thế hệ trong mẫu), mức độ được đánh giá cao nhất vẫn là “thống nhất hoàn toàn” và “cơ bản là thống nhất” và tỷ lệ khẳng định về sự thống nhất trong gia đình ở nhóm sống ở nông thôn cao hơn thành thị.

Về cách thức làm ăn và phát triển kinh tế gia đình, hầu hết ý kiến của nhóm đại diện gia đình đều xác nhận có sự thống nhất (97,0% nếu tính chung mức “thống nhất hoàn toàn” và “về cơ bản thống nhất”). Đại đa số vị thành niên cũng cho rằng trong gia đình có sự “thống nhất hoàn toàn” và “về cơ bản là thống nhất”. Tỷ lệ đánh giá mức độ đồng thuận ở khu vực nông thôn cao hơn ở thành thị.

Về phương pháp giáo dục con cháu. Thông thường đây là chỉ báo thể hiện mâu thuẫn thế hệ, bởi mỗi thế hệ đều chịu ảnh hưởng của những điều kiện kinh tế-xã hội, hoàn cảnh lịch sử khác nhau nên kinh nghiệm và khuôn mẫu giáo dục cũng khác nhau. Tuy nhiên, kết quả Điều tra (Bảng 1) cho thấy tỷ lệ người trả lời ở nhóm đại diện hộ khẳng định tính đồng thuận thế hệ về phương pháp giáo dục con cháu rất cao (58,3% hoàn toàn thống nhất và 39,2% về cơ bản thống nhất). *Lối sống sinh hoạt* có lẽ là chỉ báo cho thấy sự khác biệt thế hệ lớn hơn cả, với tỷ lệ ý kiến khẳng định “hoàn toàn thống nhất” trong gia đình thấp nhất trong 4 chỉ

Bảng 1. Mức độ đồng thuận giữa các thế hệ trong phương pháp giáo dục và lối sống sinh hoạt (% ý kiến của nhóm đại diện hộ gia đình)

Mức độ thống nhất	Về phương pháp giáo dục		Về lối sống, sinh hoạt	
	Số trả lời	%	Số trả lời	%
Thống nhất hoàn toàn	1.208	58,3	1.109	53,5
Về cơ bản là thống nhất	812	39,2	893	43,1
Về cơ bản không thống nhất	32	1,5	46	2,2
Hoàn toàn không thống nhất	5	0,2	16	0,8
Không xác định	16	0,8	9	0,4
Tổng số	2.073	100,0	2.073	100,0

báo dùng để đo mức độ đồng thuận trong gia đình (53,5%). 4,3% ý kiến của nhóm vị thành niên cho rằng giữa các thế hệ “cơ bản không thống nhất”, tỷ lệ câu trả lời ở nhóm vị thành niên nam cao gấp 3 lần nhóm nữ và tỷ lệ vị thành niên ở khu vực đô thị cho rằng “lối sống, sinh hoạt” trong gia đình về cơ bản là không thống nhất cao hơn so với khu vực nông thôn.

Quan niệm về người chủ gia đình. Mối quan hệ giữa người cao tuổi với con cái trưởng thành thông qua các việc về hôn nhân và gia đình được đánh giá qua tỷ lệ đồng ý với quan niệm “chủ gia đình là người cao tuổi nhất”. Việc phân tích này không hàm ý đo mức độ kính trọng người cao tuổi trong gia đình, đơn giản chỉ xem xét yếu tố “người cao tuổi nhất” để so sánh quan niệm giữa 2 thế hệ. Số liệu cho thấy ở thế hệ thứ hai (nhóm những người đại diện hộ gia đình, tuổi 18-60) tỷ lệ ý kiến đồng ý với quan niệm này thấp hơn so với ý kiến đồng tình ở nhóm người cao tuổi (9,6% so với 16,5%). Sự chênh lệch về tỷ lệ này cho thấy thế hệ sau quan niệm về người chủ gia đình phụ thuộc nhiều hơn vào các yếu tố, phẩm chất phù hợp với hoàn cảnh thời đại của mình hơn là hoàn toàn theo khuôn mẫu truyền thống.

Quan niệm về phân chia tài sản thừa kế. Kết quả phân tích cho thấy nhóm người cao tuổi chịu ảnh hưởng nhiều hơn đối với mô hình truyền thống trong phân chia tài sản thừa kế, bởi có đến 40% xác nhận sẽ ưu tiên con trai và chỉ khoảng 1/3 số ý kiến (34,1%) cho rằng sẽ chia đều cho các con. Ở nhóm đại diện hộ, tuổi 18-60, có tới 52,6% dự định sẽ chia đều tài sản thừa kế cho các con mà không phân biệt con trai, con gái, con trưởng, con thứ. Tỷ lệ ưu tiên chia cho con trai của thế hệ này chỉ chiếm 31,3%. Có sự khác biệt giữa người dân sống ở khu vực đô thị và nông thôn đối với vấn đề phân chia tài sản thừa kế. Đối với cả hai nhóm đại diện hộ gia đình và nhóm người cao tuổi, tỷ lệ người trả lời ở khu vực thành thị cho rằng phải chia đều tài sản cho các con là cao hơn so với người trả lời sống ở khu vực nông thôn. Trong khi đó, ở khu vực nông thôn tỷ lệ cho rằng phải ưu tiên con trai khi phân chia tài sản cao hơn rõ rệt so với khu vực đô thị.

Quan niệm về vai trò của người cao tuổi và việc sống chung với người cao tuổi. Sự đồng thuận trong gia đình còn có thể được đánh giá thông qua quan niệm của người cao tuổi và các thế hệ về vai trò của người cao tuổi cũng như

Bảng 2. Người cao tuổi với quan niệm “con cháu phải tuân theo sự chỉ bảo của người lớn” (%)

	Học vấn của người cao tuổi					Khu vực		
	Mù chữ	Tiểu học	THCS	THPT +	Chung	Thành thị	Nông thôn	Chung
Đồng ý	93,1	94,9	90,4	79,9	91,9	88,3	93,4	91,9
Không đồng ý	0,7	0,4	1,5	5,6	1,3	2,9	0,6	1,3
Tùy trường hợp	2,6	4,1	7,8	14,5	5,6	8,5	4,6	5,7
Không có ý kiến	3,6	0,5	0,2	0,0	1,0	0,3	1,4	1,1
Tổng	535	1.340	459	304	2.638	749	1.915	2.664
	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

về mô hình sắp xếp nơi ở, sống chung với người cao tuổi hay ở riêng.

Đối với người già, “tôn ti trật tự” là một trong những quy tắc ứng xử không thể thay đổi. Số liệu Điều tra Gia đình Việt Nam 2006 cho thấy có 92% người cao tuổi đồng ý với quan niệm “Con cháu phải tuân theo sự chỉ bảo của người lớn tuổi” (Bảng 2). Điều này gợi lại một thành ngữ truyền thống “triều đình trọng tước, làng nước trọng xỉ” vốn thường hay được nhiều người nhắc đến. Những người có học vấn cao, sống ở thành thị, thể hiện sự tôn trọng ý kiến của lớp trẻ hơn so với nhóm người cao tuổi có học vấn thấp, hay sống ở nông thôn.

Những người đã có gia đình ở lứa tuổi 18-60 có quan niệm không khác biệt nhiều với nhóm người cao tuổi. Tuy nhiên, với thế hệ thứ 3 - nhóm vị thành niên, quan niệm về “tôn ty trật tự” đã thay đổi khá nhiều so với nhóm tuổi 18-60 (chênh lệch khoảng 13 điểm phần trăm). Nhìn chung, nam vị thành niên có ý kiến đồng thuận với khuôn mẫu truyền thống cao hơn nữ vị thành niên (79% so với 72,3%) và vị thành niên ở nông thôn “trung thành” với trật tự truyền thống hơn vị thành niên ở thành thị (77,6% so với 68,9%).

Lựa chọn mô hình sống khi cha mẹ còn khả năng độc lập về kinh tế cũng là một chỉ báo về mối quan hệ giữa các thế hệ trong gia đình. Trên thực tế, việc lựa chọn cách sắp xếp cuộc sống như thế nào phụ thuộc vào

rất nhiều yếu tố, như điều kiện kinh tế, tập quán, quan niệm xã hội, thái độ, tình cảm của con cháu v.v... Được hỏi về việc “người cao tuổi nên sống riêng hay sống chung với con cái đã lập gia đình-khi vẫn còn khỏe mạnh, tự lo được về kinh tế?”, hơn một nửa số người từ 61 tuổi trở lên (2.634 người) cho rằng nên sống chung (55,5%). Nguyên vọng sống chung với con cháu thể hiện rõ hơn đối với người cao tuổi ở nông thôn so với ở thành thị, ở những người cao tuổi có mức sống thấp hơn. Tỷ lệ nam giới cao tuổi cho là nên ở chung với con cái thấp hơn so với nữ giới. Độ tuổi càng cao, mong muốn sống chung càng thể hiện rõ ràng hơn. “Già cật con” có lẽ vẫn là tâm lý khá phổ biến của người cao tuổi khi những điều kiện về an sinh, dịch vụ xã hội hiện nay chưa đáp ứng, chưa đủ để làm thay đổi quan niệm sống của họ.

Lý do chủ yếu được người cao tuổi đưa ra giải thích cho sự lựa chọn mô hình sống riêng của mình là để cha mẹ và con cái được tự do thoải mái và để hai bên độc lập về kinh tế. Đáng chú ý là người cao tuổi ở thành phố nhấn mạnh hơn đến sự tự do thoải mái của cả hai bên, trong khi người cao tuổi ở nông thôn lại nhấn mạnh hơn đến sự độc lập về kinh tế.

Có nhiều yếu tố chi phối khiến người cao tuổi thấy ở riêng thì tự do thoải mái hơn cho cả hai bên, song tựu trung là về cách sinh hoạt và tình cảm, thái độ của con cháu. Cách sinh hoạt chủ yếu liên quan đến cách ăn uống và thời gian ăn nghỉ hàng ngày. Chẳng hạn, về ăn uống, “...*chúng tôi thì bây giờ già rồi, ...ăn uống thì nó cũng khác với các cháu. Các cháu thì nó lại ăn khô, không như chúng tôi lại phải ăn cơm nhão. Chúng nó thì lại đến 11h nó mới ăn cơm, thế là chúng tôi hai ông bà cứ phải một niêu xong rồi thì đi làm. Thế nên là có một bà hoặc một ông thì ở với con với cháu, chứ còn nếu đã có hai ông bà thì cũng cứ một niêu ăn cho nó dễ, muốn ăn sớm thì ăn, ăn muộn thì ăn, ăn rồi đi làm...*”. (TLN người cao tuổi Phường Cát Bi, Hải Phòng).

Với nhóm đại diện hộ gia đình ở độ tuổi 18-60, gần một nửa ý kiến cho rằng vẫn nên sống chung cùng con cháu (48,1%). Không có khác biệt đáng kể giữa nam và nữ về vấn đề này. Nhóm tuổi càng trẻ tỷ lệ đồng ý với ý kiến này lại cao hơn. Khu vực nông thôn, những người con muốn sống cùng cha mẹ cũng cao hơn ở thành thị. Nhưng với nhóm vị thành niên, tỷ lệ mong muốn sống chung cùng cha mẹ già đã giảm đi đáng kể

(chỉ còn 35,5%). Ở nông thôn, tỷ lệ lựa chọn mô hình này cao hơn ở thành thị và nam vị thành niên có tỷ lệ lựa chọn cao hơn nhóm nữ. Như vậy, trong lựa chọn mô hình sống (được hạn chế trong những giả định nhất định), quan niệm “tam đại đồng đường” thể hiện rõ hơn ở lớp người cao tuổi. Lớp người trẻ, do chịu ảnh hưởng nhiều hơn bởi hoàn cảnh kinh tế xã hội mới, cùng với xu hướng tôn trọng quyền tự do cá nhân ngày càng cao hơn nên tính độc lập cũng thể hiện cao hơn.

Mối quan hệ phức tạp trong gia đình cũng khiến nhiều người thuộc thế hệ trẻ mong muốn ở riêng: *“Cha mẹ già ở cùng giúp được nhiều, trông nhà, nấu cơm... Nhưng có cái bất tiện, người già đỗi tính, ăn uống không hợp khẩu vị. Mình mắng con thì các cụ tự ái... Các cụ thích tình cảm nhưng chuyện của bà già con cháu nó không nghe, mình đi làm về mệt cũng không nghe được, cụ thì thích có người hầu chuyện, cụ không hiểu con cháu, sinh ra mâu thuẫn... Các cụ ở riêng thì hơn, ông bà có 10 con, mỗi con cho một thú, rất đầy đủ, nếu ở với một con thì chỉ có rau muống...”* (TLN nữ chủ hộ, Xã Minh Tân, Hải Phòng).

Về lý do lựa chọn sống chung: với nhóm đại diện hộ ở độ tuổi 18-60, việc lựa chọn sống chung cũng được giải thích bởi nguyên nhân muốn cha mẹ và con cái có điều kiện giúp đỡ lẫn nhau (48,4%) hoặc con cái giúp đỡ cha mẹ (25,6%) hơn là tư tưởng “vụ lợi” để cha mẹ giúp đỡ con cái (10,3%) hoặc chỉ vì đạo lý truyền thống (13,1%). Sự khác biệt ý kiến giữa những người ở thành thị và nông thôn không lớn, tuy nhiên lý do sống chung để “con cái giúp đỡ” được người ở nông thôn đồng ý cao hơn (27,1% so với 20,5%), còn lý do để “cha mẹ và con cái giúp nhau” thì tỷ lệ người ở thành thị đồng ý lại cao hơn (52,8% so với 47,2%).

Ý kiến của người cao tuổi giải thích mong muốn sống chung với con cháu cũng tập trung ở việc “để cha mẹ và con cái giúp đỡ lẫn nhau” (40,7%), sau đó mới là “để con cái giúp đỡ cha mẹ” (34,7%). Tỷ lệ người cao tuổi giải thích dựa vào “đạo lý truyền thống” chỉ có 17,2%.

Sự giúp đỡ lẫn nhau giữa cha mẹ và con cái cũng bao hàm ý nguyện muốn có sự gắn bó, quay quần giữa các thế hệ. Một phụ nữ cao tuổi ở Trà Vinh giải thích về mong muốn sống chung là *“tôi thích như vậy cho nó vui gia đình”*. Tâm lý cho rằng sống chung thì con cái lo cho cha mẹ đầy đủ hơn cũng thể hiện rất rõ: *“ý thích của tôi thì tôi sống chung với con*

cháu nó vui vẻ, nó biết phụng dưỡng ông bà, cha mẹ thì mình vui vẻ, còn nếu mình đi sống riêng ở ngoài thì mình thấy nó cô đơn, không ai lo lắng cho mình. Con mình ở riêng nó cũng không lo cho mình đầy đủ như là ở chung” (Nữ cao tuổi, Trà Vinh).

Tuy có những khác biệt nhất định giữa các thế hệ về quan niệm, nhìn nhận và đánh giá những chiều cạnh khác nhau của cuộc sống, nhưng nhìn chung, mối quan hệ giữa các thế hệ trong gia đình Việt Nam hiện nay khá đồng thuận. Những mong muốn sống chung, những biểu hiện của sự quan tâm giúp đỡ lẫn nhau giữa các thế hệ là khá mạnh mẽ. Vấn đề là ở chỗ, làm thế nào để những khác biệt không trở thành những xung đột thế hệ; làm thế nào giải quyết được mối quan hệ mang tính độc lập tương đối của thế hệ này với thế hệ khác; bảo đảm quan hệ dân chủ, bình đẳng giữa ông bà-cha mẹ-con cái mà vẫn không phá vỡ đặc trưng tình cảm, yêu thương trong gia đình? Giải quyết được điều này chính là đã nâng cao được chất lượng của các mối quan hệ gia đình, phù hợp với hoàn cảnh, thời đại mới.

Như vậy, trong quan hệ giữa người cao tuổi với con cháu, xét về khía cạnh đồng thuận, có thể thấy đại đa số gia đình 3 thế hệ vẫn đang có sự thống nhất tương đối trong nhiều lĩnh vực của đời sống gia đình. Kết quả phân tích cũng chỉ ra những khác biệt nhất định về sự đánh giá giữa các nhóm gia đình ở thành thị và nông thôn và giữa các nhóm lứa tuổi. Rõ ràng, những điều kiện kinh tế-xã hội, môi trường sống khác nhau đã có ảnh hưởng đến khuôn mẫu sống của các thế hệ.

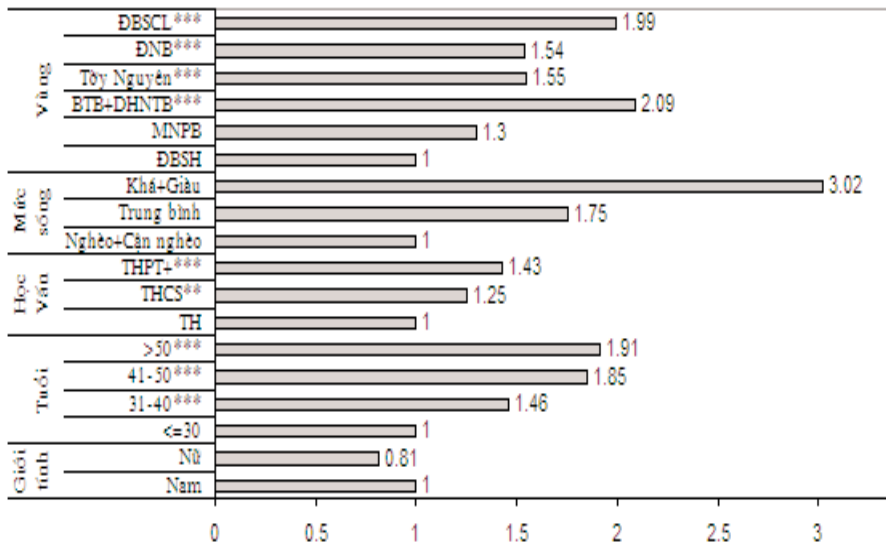
2.2. Quan hệ về kinh tế giữa người cao tuổi và con cái đã trưởng thành

Khoảng 40% người cao tuổi coi nguồn sống chính là dựa vào con cái trong gia đình; tiếp đó là từ nguồn lao động của bản thân người cao tuổi (30%), từ nguồn lương hưu hoặc trợ cấp (25,9%), từ nguồn được tích lũy từ trước (1,6%) và 3,2% từ các nguồn khác. Người cao tuổi ở nhóm tuổi già hơn sống phụ thuộc vào con cháu nhiều hơn, tỷ lệ này cao nhất ở nhóm 76 tuổi trở lên (64,2%) và giảm xuống còn khoảng 23% ở nhóm tuổi 61-65.

Con cái hỗ trợ người cao tuổi

Tính chung, có 32,1% người trả lời đã hỗ trợ tiền bạc cho bố mẹ đẻ. Những người con ở nhóm tuổi cao hơn có tỷ lệ hỗ trợ tiền bạc cho bố mẹ

Biểu đồ 1. Các yếu tố tác động mạnh đến việc con cái hỗ trợ tiền bạc cho bố mẹ (ý kiến của đại diện hộ gia đình tuổi 18-60)⁽¹⁾



Ghi chú: Mức ý nghĩa thống kê: *** <0,001; **<0,005; *<0,01

để cao hơn. Nếu như con cái ở nhóm dưới 30 tuổi có khoảng 21% giúp đỡ bố mẹ thì tỷ lệ này tăng lên 36% và 38% ở nhóm tuổi 41-50 và trên 50. Điều này có thể giải thích là những người lớn tuổi hơn thì bố mẹ họ càng cao tuổi hơn, do đó họ phải có nghĩa vụ trực tiếp hỗ trợ bố mẹ về kinh tế và ở độ tuổi lớn hơn, khả năng ổn định, tích lũy về kinh tế có thể cao hơn ở nhóm trẻ, mới lập nghiệp, xây dựng gia đình. Học vấn của con cái cao hơn thì có khả năng hỗ trợ tiền bạc cho bố mẹ để cao hơn: có 25,7% con cái ở nhóm học vấn tiểu học đã hỗ trợ tiền bạc cho bố mẹ để trong năm, tỷ lệ này tăng lên 31,1% ở nhóm có học vấn trung học cơ sở và 40,8% ở nhóm có học vấn trung học phổ thông.

Để đánh giá vai trò của từng yếu tố cá nhân, gia đình, khu vực sinh sống đối với khả năng hỗ trợ tiền bạc cho bố mẹ già trong điều kiện có tác động của nhiều yếu tố khác nhau, mô hình phân tích đa biến Logistic với các biến số sau đã được thực hiện: giới tính, tuổi, học vấn, nghề nghiệp, thành phần dân tộc của con cái, mức sống gia đình, khu vực (thành

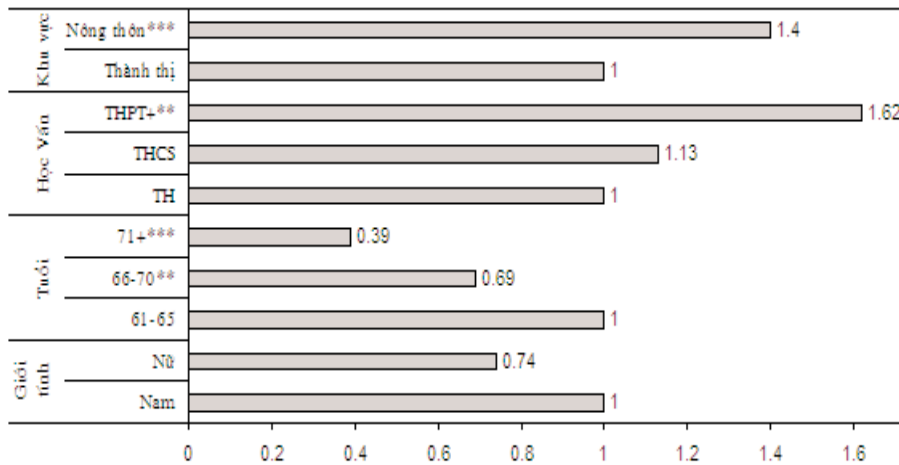
thị/nông thôn) và vùng miền sinh sống. Kết quả cho thấy các yếu tố có ảnh hưởng mạnh đến khả năng hỗ trợ tiền bạc cho bố mẹ già là: giới tính, tuổi con cái, học vấn con cái, mức sống gia đình con cái và vùng cư trú-chia theo 6 vùng địa lý (Biểu đồ 1).¹

Người cao tuổi hỗ trợ con cháu

Người cao tuổi thường coi trọng trách nhiệm của mình đối với con cháu trong các vấn đề hàng ngày của cuộc sống, trong đó có cả sự hỗ trợ về kinh tế. Có 46% người cao tuổi cho biết trong 12 tháng trước cuộc Điều tra họ giúp đỡ con cháu bằng cách “góp phần tạo ra thu nhập”. Nam giới hỗ trợ nhiều hơn nữ giới (57,4% so với 36,6%), người cao tuổi là nữ giới có tỷ lệ giúp đỡ con cháu ít hơn về mặt thu nhập có thể là do sức khỏe kém hơn hoặc là do họ thường đảm nhận đỡ đần công việc nội trợ.

Người cao tuổi hơn thì khả năng giúp đỡ con cháu tạo thu nhập cho gia đình ít hơn. Nếu như gần 70% người nhóm tuổi 61-65 giúp đỡ con cháu thì tỷ lệ này ở nhóm tuổi 71-75 giảm xuống còn 40,7%, và tiếp tục giảm xuống còn 22,4% ở nhóm 76 tuổi trở lên. Người cao tuổi có học vấn cao

Biểu đồ 2. Các yếu tố tác động mạnh đến việc trợ giúp con cái của người cao tuổi bằng góp phần tạo thu nhập (ý kiến của người cao tuổi)



Ghi chú: Mức ý nghĩa thống kê: *** <0,001; **<0,005; *<0,01

hơn có tỷ lệ góp phần tạo ra thu nhập cho gia đình cao hơn: chỉ có khoảng 28% người cao tuổi ở nhóm mù chữ, trong khi tỷ lệ này ở nhóm THCS là 56% và ở nhóm THPT trở lên là 62%. Người cao tuổi cư trú ở nông thôn tham gia tạo thu nhập gia đình giúp đỡ con cháu nhiều hơn người cao tuổi ở thành thị (48,1% so với 40,8%). Có thể do mô hình kinh tế hộ gia đình ở nông thôn tạo thuận lợi hơn cho các bậc bố mẹ già sống chung góp phần tạo ra thu nhập cho con cái, đồng thời con cháu của người cao tuổi cư trú ở nông thôn gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống hơn nên người cao tuổi phải tham gia hỗ trợ về kinh tế.

Mô hình phân tích đa biến tiếp tục xác nhận vai trò của các yếu tố đã nêu trên. Nếu tính đến tác động đồng thời của các yếu tố khác, thì khả năng các cụ bà góp phần tạo thu nhập cho con cái chỉ bằng 75% so với các cụ ông; khả năng của các cụ tuổi 66-70 góp phần tạo thu nhập cho con cái bằng 69% và của các cụ từ 71 tuổi trở lên chỉ là 39% so với khả năng góp phần tạo thu nhập của các cụ tuổi 61-65; các cụ có học vấn từ THPT trở lên có khả năng góp phần tạo thu nhập cho con cái bằng 1,6 lần so với các cụ có học vấn tiểu học trở xuống; khả năng này ở các cụ sống ở nông thôn cao gấp 1,4 lần so với các cụ sống ở đô thị (xem Biểu đồ 2).

Hỗ trợ con cháu bằng cách góp phần tạo thu nhập một mặt chứng tỏ vị thế của người cao tuổi vẫn được khẳng định trong gia đình, mặt khác thể hiện trách nhiệm cao của các cụ trong việc giúp đỡ con cái. Nhưng quan trọng hơn, điều đó tạo điều kiện cho người cao tuổi không thấy mặc cảm vô dụng ở tuổi già và thắt chặt thêm mối dây liên hệ giữa các thế hệ, nâng cao vị thế và uy tín của người cao tuổi đối với con cháu.

Một hình thức hỗ trợ con cháu về kinh tế là việc “góp vốn cho con cái làm ăn”. Có 11,1% người cao tuổi đã góp vốn cho con cái làm ăn. Sự trợ giúp cho con cái giảm dần khi tuổi của người cao tuổi tăng lên, nhóm 61-65 tuổi có sự trợ giúp cho con cái với tỷ lệ 17,5%, tỷ lệ này giảm xuống 9,3% ở nhóm 71-75 tuổi và khoảng 6% ở nhóm 76 tuổi trở lên. “Phổ biến kinh nghiệm sản xuất/kinh doanh” cũng là một hình thức hỗ trợ về kinh tế của người cao tuổi với con cháu. Ngoài việc trợ giúp con cái bằng vật chất, vốn làm ăn, khoảng một nửa (55,1%) người cao tuổi đã giúp con cái thông qua việc phổ biến kinh nghiệm sản xuất/kinh doanh. Việc phân tích mô hình đa biến cho thấy các cụ ông có nhiều khả năng giúp con cái trong vấn

đề này hơn các cụ bà; các cụ tuổi 61-65 có nhiều khả năng hơn các cụ già hơn; các cụ có học vấn cao hơn thì khả năng giúp đỡ cũng cao hơn; các cụ còn song toàn thì khả năng giúp con cái bằng việc phổ biến kinh nghiệm sản xuất/kinh doanh cũng tăng lên so với các cụ sống một mình.

Giúp đỡ con cháu vừa là trách nhiệm của thế hệ trước với thế hệ sau, vừa thể hiện mối quan hệ tình cảm, sự tương trợ qua lại giữa ông bà-cha mẹ và con cháu trong gia đình, ngay cả trong những hoàn cảnh ngặt nghèo nhất. Một cụ ông cho biết: *“Thì thôi bây giờ mình ráng nhịn ăn một chút, hỗ trợ cho chúng nó học đến nơi đến chốn. Một là giúp cho con mình trước mắt, hai là giúp cho cháu mình có tiền đồ. ...Hết con rồi đến cháu, mình cũng có trách nhiệm dẫu dẫu, lo lắng.”* (PVS, NCT, Nam, Tp. Hồ Chí Minh).

Tóm lại, trong mối quan hệ giữa người cao tuổi và con cháu, các cụ thường nhận được sự trợ giúp về vật chất, kinh tế từ phía con cháu, bất kể họ sống cùng con cháu hay sống riêng. Ngược lại, người cao tuổi cũng thường giúp đỡ con cháu thông qua những hỗ trợ về kinh tế, đóng góp thu nhập, hỗ trợ vốn... Mối quan hệ hai chiều này giúp cho người cao tuổi duy trì được quyền lực, vị thế, uy tín và mối liên hệ với con cháu. Sự thành công của kinh tế hộ gia đình trên mọi lĩnh vực không thể không có vai trò của nhóm người già. Họ đã trải trở để cùng tìm ra lối đi cho cuộc sống kinh tế của gia đình. Vì vậy, cần có chính sách thu hút, khuyến khích hỗ trợ người cao tuổi có khả năng tham gia làm việc tạo thu nhập, trước hết là trong khu vực kinh tế hộ gia đình.

2.3. Sự quan tâm chăm sóc của người cao tuổi với con cháu

Sự tham gia của người cao tuổi vào các quyết định gia đình

Sự tham gia của người cao tuổi vào việc ra các quyết định gia đình giúp các cụ mất đi cảm giác là người thừa trong xã hội và phải phụ thuộc quá nhiều vào con cháu. Kết quả phân tích cho thấy giới tính, độ tuổi và học vấn của người cao tuổi có ảnh hưởng nhiều đến khả năng họ tham gia vào các quyết định gia đình. Tỷ lệ các cụ ông tham gia quyết định công việc gia đình cao hơn các cụ bà, thể hiện một phần vai trò quyết định của nam giới trong truyền thống. Khi càng cao tuổi thì sức khỏe càng giảm sút và điều đó hạn chế khả năng tham gia quyết định của các cụ. Nếu người cao

tuổi có học vấn cao hơn thì sự tham gia của họ trong việc quyết định các công việc gia đình nhiều hơn (xem Bảng 3).

Sự quan tâm/chăm sóc giữa người cao tuổi và con cháu

Đây là một trong các chỉ báo quan trọng thể hiện mối quan hệ giữa các thế hệ. Có hai mối quan hệ được phân tích trong báo cáo này, đó là sự chăm sóc của con cái đối với cha mẹ và sự giúp đỡ của cha mẹ đối với con cái.

Sự chăm sóc của con cái đối với cha mẹ già

Trong số hơn 5.000 gia đình không có người cao tuổi chung sống trong mẫu điều tra, có 65,3% gia đình mà con cái thường xuyên thăm hỏi/chăm sóc cha mẹ đẻ và 61,0% đối với cha mẹ vợ/chồng. Tỷ lệ này không chênh lệch nếu xét theo tương quan nam nữ. Nếu xét theo lứa tuổi, những người con ở độ tuổi càng cao thì tỷ lệ thường xuyên về thăm nom, chăm sóc cha mẹ càng cao hơn (61,4% ở nhóm gia đình trẻ, tăng dần đến 67,5% ở nhóm >50 tuổi). Tỷ lệ những người ở nông thôn thăm hỏi cha mẹ thường xuyên cao hơn nhóm ở thành thị (66,3% so với 62,4%). Với cha mẹ vợ/chồng, tỷ

Bảng 3. Tỷ lệ người cao tuổi tham gia quyết định các công việc gia đình phân theo các đặc trưng cá nhân (ý kiến người cao tuổi)

	Yếu tố	Số lượng	%	Tổng số
Giới tính	Nam	342	44,9	762
	Nữ	245	26,9	912
Nhóm tuổi	61-65	196	49,0	400
	66-70	165	42,1	392
	71-75	116	32,3	359
	76 trở lên	110	21,0	523
Học vấn	Mù chữ	72	20,7	347
	Tiểu học	283	33,3	850
	THCS	125	44,8	279
	THPT+	101	55,5	182
Chung		587	35,1	1674

lệ chung về chăm sóc thấp hơn đối với cha mẹ đẻ chút ít, nhưng cũng không chênh lệch nhiều giữa nam, nữ và khu vực thành thị, nông thôn. Khi cha mẹ đau ốm, có 62,6% con cái đến chăm sóc, thăm hỏi và những người con gái về thăm hỏi cha mẹ đẻ cao hơn con trai (64,4% so với 60,1%). Không có sự phân biệt giữa việc chăm sóc cha mẹ đẻ và cha mẹ vợ/chồng, giữa nhóm con cái sống ở thành thị hay nông thôn.

Ngoài việc chăm sóc/thăm hỏi cha mẹ thường xuyên hoặc những lúc đau ốm, chỉ một phần những người có điều kiện về thời gian hoặc ở gần mới có thể giúp đỡ cha mẹ các công việc gia đình. Do đó, đối với cha mẹ đẻ, chỉ có 25,2% những người con được hỏi có hoạt động này và những người con trai có tỷ lệ giúp đỡ cha mẹ cao hơn những người con gái (27,9% so với 23,3%); con cái ở nhóm tuổi trẻ giúp cha mẹ việc nhà nhiều hơn những người ở nhóm tuổi cao (34% ở nhóm <30 tuổi và giảm dần còn 14% ở nhóm >50 tuổi). Nhóm ở nông thôn có tỷ lệ giúp đỡ việc nhà cho cha mẹ cao gấp 3 lần nhóm con cái ở thành thị (30,4% so với 10,4%).

Đối với cha mẹ vợ/chồng *không sống chung*, tương tự như với cha mẹ đẻ, nhóm con cái càng trẻ, tỷ lệ tham gia giúp đỡ cha mẹ việc nhà nhiều hơn các nhóm lớn tuổi hơn, và ở nông thôn con cái có điều kiện giúp đỡ cha mẹ việc nhà cao gấp 3 lần nhóm ở thành phố (29,1% so với 9,5%). Việc con cái thăm hỏi thường xuyên hoặc chăm sóc cha mẹ lúc đau ốm thể hiện đạo lý truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, “báo hiếu” của dân tộc. Tùy từng hoàn cảnh, điều kiện mà con cái trong các gia đình có những biểu hiện, hành động hỗ trợ cha mẹ hai bên gia đình khác nhau.

So với trước đây, nhiều người được phỏng vấn trong độ tuổi 18-60 cho rằng bây giờ con cháu lo toan về vật chất cho bố mẹ đầy đủ hơn, như về ăn, mặc, còn việc trực tiếp trò chuyện, hỏi han thì ít hơn trước. “*Trước đây... vấn đề quan tâm cho bố mẹ và tiếp xúc bố mẹ nhiều hơn. Giờ kinh tế thị trường, lo toan cho bố mẹ ăn mặc là đầy đủ nhưng vấn đề trực tiếp chăm sóc hỏi han bố mẹ ít hơn, vì công tác có người 2, 3 tháng mới về...* (TLN nam, Đắc Lắc). Còn người cao tuổi thì cho rằng việc giúp đỡ vật chất là cần thiết nhưng không quan trọng bằng sự hiếu thảo. “*... cái vật chất cũng cần chứ không phải là không cần, nhưng cái cần nhất là con cháu nó phải biết hiếu thảo, thuận hoà, ...Tôi nghĩ rằng những người cao tuổi ai cũng nghĩ vậy, nếu nó giúp được thì tốt, không giúp được thì thôi, nó đừng*

Bảng 4. Người cao tuổi giúp đỡ con cái trong giáo dục dạy dỗ con cháu, công việc nội trợ và trông nom cháu nhỏ (ý kiến người cao tuổi)

Giúp đỡ	Giới tính						Khu vực					
	Nam		Nữ		Tổng		Thành thị		Nông thôn		Tổng	
	N	%	N	%	N	%	N	%	N	%	N	%
GD, dạy dỗ các cháu	1.051	92,1	1.158	85,7	2.209	88,6	635	89,9	1.574	88,1	2.209	88,6
Trông nom các cháu	567	70,0	695	69,3	1.262	69,6	340	68,5	922	70,0	1.262	69,6
Nội trợ	758	65,7	1.031	74,9	1.789	70,7	512	71,2	1.277	70,5	1.789	70,7

làm cho người cao tuổi buồn” (TLN nam người cao tuổi, Lạng Sơn).

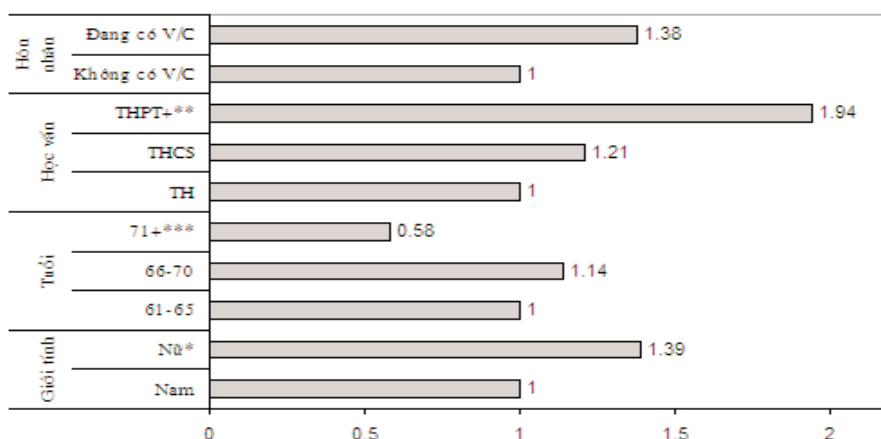
Sự giúp đỡ của cha mẹ đối với con cái

Không phải chỉ con cháu chăm sóc cho cha mẹ già mà bản thân cha mẹ cũng là chỗ dựa cho con cháu trong cuộc sống hàng ngày. Người cao tuổi coi việc hỗ trợ con cháu là niềm vui và trách nhiệm và qua đó, được cảm nhận là mình còn có ích cho con cháu. Đối với con cháu, sự hỗ trợ này có ý nghĩa quan trọng, bao gồm việc dạy dỗ con cháu, giúp trông coi nhà cửa, v.v..

Trong tổng số 2.492 người cao tuổi đang sống chung với con cháu trả lời câu hỏi này, 88,6% có giúp đỡ con cái trong “việc giáo dục, dạy dỗ các cháu” (Bảng 4). Không có sự khác biệt giữa người cao tuổi ở khu vực nông thôn với thành thị trong sự trợ giúp này. Tuy nhiên, nam giới cao tuổi có ưu thế hơn trong việc dạy dỗ, giáo dục con cháu (92,1% so với 85,7% ở nữ cao tuổi).

“Trông nom /chăm sóc các cháu nhỏ” cũng là loại công việc mà người cao tuổi có thể giúp con cái. Tỷ lệ những người tham gia công việc này có thể thấp hơn các loại công việc khác, vì không phải gia đình nào hiện cũng có các cháu nhỏ. Tuy nhiên, trong mẫu điều tra vẫn có đến 69,6% người cao tuổi tham gia loại công việc này và không có sự khác biệt giữa nam và nữ cũng như giữa nông thôn và thành thị.

Biểu đồ 3. Các yếu tố tác động mạnh đến việc trợ giúp chăm sóc các cháu cho con cái của người cao tuổi (ý kiến người cao tuổi)



Ghi chú: - Mức ý nghĩa thống kê: *** <0,001; **<0,005; *<0,01
 - V/C: Vợ/Chồng

Sử dụng mô hình phân tích đa biến logistic để xác định vai trò của các yếu tố đối với khả năng cha mẹ già giúp đỡ trông cháu nhỏ, cho thấy các cụ bà có nhiều khả năng giúp con cái trong việc chăm sóc cháu hơn các cụ ông; các cụ còn khỏe mạnh, tuổi 61-65 có khả năng giúp con cái cao gấp đôi so với các cụ tuổi từ 71 trở lên. Người cao tuổi có học vấn cao và đang sống cùng vợ/chồng cũng làm tăng khả năng chăm sóc các cháu trong gia đình. (xem Biểu đồ 3)

70,7% người cao tuổi có hỗ trợ con cái các “công việc nội trợ gia đình”, trong đó, các cụ bà có tỷ lệ tham gia cao hơn cụ ông (74,9% so với 65,7%) và những cụ trẻ hơn có tỷ lệ giúp cao hơn (82,2% ở nhóm 61-65 tuổi và giảm dần xuống còn 52,5% ở nhóm trên 76 tuổi). Không có sự khác biệt nhiều giữa nhóm người cao tuổi ở nông thôn hay thành thị (70,5% và 71,2%).

Kết quả phân tích đa biến đánh giá tác động của các yếu tố đối với việc người cao tuổi giúp đỡ con cái công việc nội trợ gia đình (với các biến số

giới tính, tuổi, học vấn, nghề nghiệp, thành phần dân tộc của người cao tuổi, mức sống gia đình, khu vực và vùng miền sinh sống) cho thấy các yếu tố giới tính, tuổi và tình trạng hôn nhân có ảnh hưởng đáng kể. Khả năng các cụ bà giúp con cái trong công việc nội trợ cao hơn gấp đôi so với các cụ ông. Những cụ ở độ tuổi trẻ hơn (61-65 tuổi) có khả năng giúp con cái nhiều hơn, cao gấp khoảng 3 lần so với các cụ ở độ tuổi 71 trở lên. Tuổi cao gắn với sức khỏe yếu và điều đó làm giảm khả năng giúp đỡ con cái của các cụ, là điều dễ hiểu.

Khi nói đến chỗ dựa chính của mình, người cao tuổi, cả nam và nữ, đều nhắc đến gia đình, mà trước hết là con cháu. Bản thân con cháu, những người nhận được sự hỗ trợ của người cao tuổi cũng khẳng định sự giúp đỡ của cha mẹ là quan trọng đối với họ. “... *Cha mẹ già ở cùng giúp được nhiều, trông nhà, nấu cơm...*” (TLN nữ, Hải Phòng). Đặc biệt là đối với gia đình trẻ, có thu nhập thấp hay thu nhập không ổn định thì sự hỗ trợ của cha mẹ gần như là phương án tối ưu trong thời gian nuôi con nhỏ: “... *Không có cha mẹ giúp đỡ thì nuôi con nó khó, nhất là lúc trong năm thì mình phải mượn người hay là nghỉ việc để nuôi con*” (TLN nữ, Thành phố Hồ Chí Minh). Nhiều người ý thức được những khó khăn trong việc sống chung, sự phức tạp có thể nảy sinh do việc xử lý các quan hệ không tốt, nhưng vẫn thấy được những thuận lợi đáng kể của việc ở với ông bà: “... *Ở với ông bà thì tốt vì ông bà giúp chăm các cháu cho đi làm...Va chạm thì mình ở cho khôn khéo, ông bà ưa nhẹ nhàng, nạt con cái thì nghĩ đến ông bà, sợ ông bà nghĩ là chửi ông bà, cái đó là mình nên khéo...*” (Nữ, Đắk Lắk).

Một số người cao tuổi ý thức rõ ràng việc giúp cho con cháu cũng là trách nhiệm của mình đối với thế hệ tiếp theo, để con cháu sau này có thể “mở mày mở mặt” với đời và có đời sống khấm khá hơn. “*Có những lúc con nó quá nghèo thì tôi giúp là giúp cho nó đỡ khổ. ... Mà giờ thiết nghĩ mình không giúp đỡ thì khổ, tiền đâu nó đóng cho con nó học, mà không đóng cho con học thì nó ra đường... lại sinh tính xấu ăn cắp ăn trộm, hoặc theo bè bạn không tốt, xì ke ma túy...*” (Người cao tuổi, Nam, Tp. Hồ Chí Minh).

Tuy nhiên, việc giúp đỡ con cháu không phải chỉ toàn là niềm vui mà còn là sự nỗ lực, đôi khi vượt quá khả năng của người cao tuổi. Có người

tâm sự với bạn bè, hàng xóm; 6,9% tâm sự với các cháu. Giữa người cao tuổi ở thành thị và nông thôn hầu như không có sự khác biệt (Bảng 5).

Tình cảm của người cao tuổi đối với con cháu còn thể hiện qua sự lo lắng cho con cháu trong đời sống, sinh hoạt thường ngày. Hiện nay có rất nhiều điều khiến người cao tuổi phải quan tâm, như chuyện các cháu không chăm học, quan hệ với bạn bè không tốt, môi trường xã hội có nhiều cạm bẫy đối với trẻ, v.v.. Người cao tuổi luôn cố gắng tham gia vào việc dạy dỗ các cháu mặc dù cũng hiểu rằng “lực bất tòng tâm”, không phải lúc nào các cháu cũng nghe lời. *“Lo cái thứ nhất con cái mình học hành không được tốt, rồi nó vi phạm những việc luật pháp, cho nên điều đó là cái điều mà người cao tuổi đang lo lắng”*. (TLN người cao tuổi, Hải Phòng).

Có sự khác biệt giữa các cụ ông và các cụ bà trong lựa chọn đối tượng trò chuyện. Phụ nữ thường nói chuyện với con, trong khi nam giới chủ yếu tâm sự với vợ của mình. So với nam giới, mỗi khi có chuyện vui buồn, phụ nữ thường ít chia sẻ, tâm sự hơn. Và trong việc chăm sóc, duy trì tình cảm vợ chồng, phụ nữ thường phải cố gắng nhiều hơn nam giới. Tuy nhiên, là một trong những nhu cầu giao tiếp hàng ngày, dù bình thường hay có chuyện buồn vui thì những người thân trong gia đình vẫn là đối tượng để người cao tuổi tâm sự. Điều này giúp tăng sự gắn kết, hiểu biết và chia sẻ, thông cảm giữa các thế hệ trong gia đình.

Con cháu tâm sự với người cao tuổi. Trò chuyện, tâm sự giữa các cháu với ông bà về những điều liên quan trong cuộc sống là một chỉ báo quan trọng đánh giá mức độ gắn kết về tình cảm, tâm lý trong gia đình. Thực tế cho thấy chỉ có một tỷ lệ nhỏ các cháu tâm sự với ông/bà khi gặp điều không vui trong cuộc sống gia đình hay khi có bất đồng với bố mẹ. Trong 12 tháng trước cuộc điều tra, khi có những bất đồng với cha mẹ, rất ít vị thành niên trực tiếp trao đổi lại với cha mẹ (0,4 và 1,6%) hay những đối tượng khác trong gia đình. Nếu tính riêng những vị thành niên có bất đồng với cha mẹ (1064/2452 em) thì số lựa chọn ông bà để tâm sự chiếm 4,9%. Số còn lại, chọn bạn bè tâm sự hoặc không tâm sự với ai. Tỷ lệ vị thành niên ở nông thôn có vấn đề với cha mẹ chọn ông bà để tâm sự cao hơn so với ở thành phố (5,6% so với 2,6%).

Tỷ lệ vị thành niên tâm sự với ông bà về chuyện yêu đương, về lựa chọn nghề nghiệp, học tập, hay chuyện vui, buồn trong cuộc sống cũng

thấp, chỉ trên dưới 1%. Một lý do quan trọng khiến trẻ em ít tâm sự với ông bà là sự khác biệt trong suy nghĩ, quan niệm của hai thế hệ. Thế hệ người cao tuổi thường quan tâm hơn đến những hoài niệm quá khứ, lấy những quan niệm của thế hệ mình để làm chuẩn, nhắc nhở thế hệ sau, trong khi các cháu quan tâm nhiều hơn đến những vấn đề cuộc sống đương đại. Một em trai 16 tuổi giải thích như sau về việc ít nói chuyện với bà nội: *“Cháu ít nói chuyện với bà vì bà toàn nói chuyện ngày xưa... Bà nhắc nhở ‘học hành đi..’, cứ chơi là bà nhắc... Bà không hiểu máy, cháu có giải thích nhưng bà không hiểu nên thôi”* (Nam, vị thành niên, gia đình 3 thế hệ, Hải Phòng).

3. Kết luận

Việt Nam đang bước vào thời kỳ già hóa dân số với 70% số người cao tuổi đang tự làm việc nuôi sống mình hoặc nhờ vào phân trợ cấp và nuôi dưỡng của con cháu; 30% người cao tuổi đang sống trong điều kiện nghèo; 95% trong tổng số người cao tuổi đang mắc ít nhất 1 loại bệnh. Thực tế này đòi hỏi sự quan tâm, chăm sóc của nhà nước, cộng đồng và gia đình với người cao tuổi ngày càng cao hơn. Các nghiên cứu liên quan đến người cao tuổi cho thấy người cao tuổi vẫn đang giữ những vai trò quan trọng trong gia đình và gia đình cũng có một ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với người cao tuổi.

Những bằng chứng thực nghiệm đã khẳng định mối quan hệ khá bền chặt giữa người cao tuổi với con cháu trong gia đình Việt Nam. Điều này thể hiện thông qua sự giúp đỡ và hỗ trợ lẫn nhau giữa ông bà-cha mẹ và con cái trong cuộc sống về cả vật chất và tinh thần; đó là sự quan tâm, chăm sóc khi ốm đau, trong chia sẻ công việc, chăm sóc con cháu. Mối quan hệ bền vững đó còn thể hiện cả ở sự đồng thuận trong quan niệm và trong đời sống thực tế. Trong điều kiện hiện nay, các gia đình Việt Nam đang cố gắng làm tròn nghĩa vụ chăm sóc, phụng dưỡng người cao tuổi, duy trì mối quan hệ hòa thuận giữa người cao tuổi với con cháu, mặc dù bản thân gia đình đang đối diện với nhiều thách thức ở các mức độ khác nhau.

Hiện nay, gia đình Việt Nam đang đóng vai trò chủ yếu phụng dưỡng, chăm sóc người cao tuổi. Điều này cũng có nghĩa là một bộ phận người cao tuổi rơi vào tình trạng phụ thuộc vào con cháu mà không có một sự

lựa chọn nào khác khi không còn khả năng tự chăm sóc hoặc chi trả cho các dịch vụ khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe. Trong quá trình biến đổi xã hội, tác động mạnh của cơ chế kinh tế thị trường đến từng gia đình, một số vấn đề mới về quan hệ giữa người cao tuổi và thế hệ con cháu đã xuất hiện: những mâu thuẫn và xung đột thế hệ có chiều hướng gia tăng; NCT bị hắt hủi, bỏ rơi, thậm chí trở thành nạn nhân bạo lực của chính những người ruột thịt. Đây là vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, đánh giá để có cái nhìn toàn diện hơn về các mối quan hệ trong gia đình hiện nay.

Bởi thế, một trong những yếu tố căn bản góp phần vào việc nâng cao điều kiện chăm sóc, làm hài hòa mối quan hệ giữa các thế hệ trong gia đình chính là phải đẩy mạnh một cách có hiệu quả việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo. Ngoài trách nhiệm của gia đình, Nhà nước cần có định hướng về việc xây dựng một hệ thống chính sách có tính chiến lược và toàn diện về người cao tuổi với tư cách là một bộ phận dân số quan trọng đang ngày càng gia tăng nhằm bảo đảm cuộc sống và sức khỏe cho tất cả người cao tuổi, bảo đảm cho họ được tham gia đầy đủ vào quá trình phát triển và được hưởng lợi ích của sự phát triển. Việc chăm sóc người cao tuổi, củng cố những giá trị tốt đẹp trong quan hệ giữa người cao tuổi và con cháu trong gia đình phụ thuộc rất nhiều vào mức độ nhận thức của cá nhân (con cái, bản thân người cao tuổi) về chữ hiếu và việc báo hiếu. Do vậy, duy trì và mở rộng các hình thức tuyên truyền rộng rãi nhằm hướng đến những thay đổi tích cực trong người dân và cộng đồng về gia đình và xây dựng các mối quan hệ gia đình dân chủ, tiến bộ và hạnh phúc ngày càng trở nên cần thiết và cấp bách. ■

Chú thích

⁽¹⁾ Các thanh ngang trên biểu đồ 1 thể hiện tỷ số chênh lệch (odd ratios) giữa xác suất xảy ra khả năng con cái hỗ trợ tiền bạc cho bố mẹ ở những nhóm đặc điểm (cá nhân, hộ gia đình, v.v.) đang xem xét so với loại đặc điểm đối chứng, phân loại theo một yếu tố nào đó. Chẳng hạn, đối với yếu tố “Giới tính” có 2 nhóm trả lời tương ứng với nhóm nam và nữ. Nhóm đặc điểm đối chứng (hay còn gọi là đặc điểm so sánh) của yếu tố “Giới tính” là nhóm Nam. Đối với yếu tố “Học vấn” thì có 3 nhóm người trả lời ứng với 3 trình độ học vấn khác nhau là Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông trở lên. Nhóm Tiểu học là nhóm so sánh. Tỷ số chênh lệch cho loại đặc điểm đối chứng luôn luôn nhận giá trị bằng 1. Nếu tỷ số chênh lệch của một loại đặc điểm nào đó lớn hơn 1, điều đó

có nghĩa là nhóm người mang đặc điểm đó có nhiều khả năng hỗ trợ tiền bạc cho cha mẹ hơn so với nhóm mang đặc điểm đối chứng. Ngược lại, nếu tỷ số chênh lệch cho loại đặc điểm nào đó nhỏ hơn 1 thì nhóm người mang đặc điểm đó có ít khả năng hỗ trợ tiền bạc cho cha mẹ hơn nhóm người trả lời mang đặc điểm đối chứng. Tỷ số chênh lệch của một loại đặc điểm nào đó càng lớn hơn 1 thì khả năng có hỗ trợ tiền bạc cho cha mẹ ở nhóm mang đặc điểm đó càng lớn hơn so với nhóm có loại đặc điểm dùng để đối chứng. Các dấu sao (*, **, ***) ghi bên cạnh tỷ số chênh lệch cho thấy tác động của loại đặc điểm đó có ý nghĩa về mặt thống kê hay không, căn cứ vào giá trị P, với mức ý nghĩa từ 90% trở lên ($P < 0,1$). Tỷ số càng kèm theo nhiều dấu sao thì tác động của loại đặc điểm đó càng quan trọng. Tỷ số không kèm theo dấu sao có nghĩa là không có bằng chứng để khẳng định rằng tác động của loại đặc điểm đang xét là đáng kể về mặt thống kê. Chẳng hạn, giá trị 1,43 với 3 dấu sao của đặc điểm người trả lời có học vấn “Trung học phổ thông trở lên” tại biểu đồ 1 có nghĩa là so với nhóm người có học vấn “Tiểu học” (nhóm đối chứng) thì khả năng nhóm có học vấn “Trung học phổ thông trở lên” có hỗ trợ tiền bạc cho cha mẹ sẽ tăng lên 1,43 lần. Các kết quả khác sử dụng phương pháp phân tích đa biến với mô hình logistic trong bài này được giải thích tương tự.

Các chữ viết tắt trên biểu đồ là: Biến số học vấn: TH (Tiểu học), THCS (Trung học cơ sở), THPT (Trung học phổ thông); Biến số vùng: ĐBSH (Đồng bằng sông Hồng); MNPB (Miền núi và trung du phía Bắc), BTB+DHNTB (Bắc Trung Bộ và Duyên Hải Nam Trung Bộ), ĐNB (Đông Nam Bộ), ĐBSCL (Đồng bằng sông Cửu Long).

Tài liệu tham khảo

- Ban chỉ đạo Tổng Điều tra Dân số và Nhà ở Trung ương. 2010. *Kết quả Tổng Điều tra dân số và nhà ở năm 2009*.
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. 2006. *Báo cáo Tình hình thực hiện Pháp lệnh Người cao tuổi, ngày 26/5/2006 của Chính phủ tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XI*.
- Cao Đức Thái. 2009. Người cao tuổi và Luật Người cao tuổi. *Tạp chí Cộng sản*, Số 11/2009.
- Luật Hôn nhân và Gia đình 2000.
- Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam 2002.
- Luật Người cao tuổi 2009.
- Ủy ban Các vấn đề xã hội của Quốc hội. 2006. *Báo cáo Giám sát việc thực hiện chính sách, Pháp lệnh về người cao tuổi*.
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tổng cục Thống kê, Unicef, Viện Gia đình và Giới. 2008. *Báo cáo Kết quả Điều tra gia đình Việt Nam*.